toµ ¸n nh©n d©n
KHU VỰC 7 - hµ néi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **696**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/6/2026
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thu Trang - Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Đào
2. Ông Nguyễn Đức Lưu

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thông - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội tham gia phiên toà:

Bà Nguyễn Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 465/2026/TLST-HNG ngày 21 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2026/QĐXX-ST ngày 18 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T. Sinh năm 1996. Số CCCD: 001196008847

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Đặng Văn O, sinh năm 1993. Số CCCD: 001093021887

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hà Nội

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1962. Số CCCD: 001062040923

Nơi cư trú: Thôn P, xã K, thành phố Hà Nội

Có mặt chị T, anh O, ông C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 22 tháng 02 năm 2026 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân**: Chị và anh Đặng Văn O lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 20/11/2025 tại UBND xã M, huyện S, Hà Nội (nay là xã K, thành phố Hà Nội) Sau khi lấy nhau chị về làm dâu gia đình anh O ngay, vợ chồng sống cùng gia đình anh O một thời gian thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh O sống không có trách nhiệm với gia đình, bỏ mặc chị bị gia đình chồng xúc phạm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thay đổi. Từ đầu tháng 9 năm 2025 đến nay vợ chồng chị sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay chị xác định giữa chị và anh O không còn tình cảm nên chị đề nghị ly hôn anh O.

- Về con chung: Chị xác định vợ chồng có là 03 con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016, Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/01/2025. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi hai con là Đặng Ngọc D và Đặng Minh D1, giao con chung là Đặng Ngọc L cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay chị đang làm kế toán cho 02 công ty, thu nhập trung bình là 23.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ: Chị xác nhận vợ chồng chị có vay của ông C số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 18.000.000 đồng một năm. Chị đồng ý trả cho ông C ½ số tiền tính đến tháng 4 năm 2026 là 164.250.000 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận.

-Về án phí: Chị tự nguyện chịu cả án phí ly hôn và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn là anh Đặng Văn O trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân**: Anh nhất trí với lời trình bày của chị O về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn không phải như chị T trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T láo với bố mẹ và em trai anh, không tôn trọng gia đình chồng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhưng tình trạng vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thay đổi. Từ tháng 9 năm 2025 đến nay vợ chồng anh sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Nay anh xác định giữa anh và chị T không còn tình cảm nhưng anh không đồng ý ly hôn vì còn nhiều vướng mắc liên quan đến thửa đất sản xuất nông nghiệp của bố mẹ anh. Do anh vay tiền của bố mẹ chị T nên mẹ chị T đã tự đi làm vi bằng chuyển nhượng đất. Do hai bên gia đình có tranh chấp nên gia đình anh đã gửi đơn ra Công an xã K để giải quyết nhưng chưa có kết quả. Bao giờ giải quyết xong vấn đề này thì anh mới đồng ý ly hôn.

- **Về con chung**: Anh xác định vợ chồng có là 03 con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016, Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/01/2025. Ly hôn anh đề nghị nuôi hai con chung là Đặng Ngọc L, Đặng Ngọc D. Giao con chung là Đặng Minh D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh đang là giám đốc Công ty TNHH T1, thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản, công sức: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Anh xác nhận vợ chồng tôi có vay của ông C số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 18.000.000 đồng một năm. Tôi đồng ý trả cho ông C ½ số tiền tính đến tháng 4 năm 2026 là 164.250.000 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận.

-Về án phí: Anh đồng ý để chị T chịu cả án phí ly hôn và tự nguyện chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Ngọc C trình bày:** Ngày 22/9/2024 chị T, anh O có vay của ông số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 18.000.000đồng/năm. Tạm tính đến tháng 4 năm 2026 chị T, anh O nợ ông số tiền là 328.500.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 164.250.000 đồng, anh O có nghĩa vụ trả cho ông số tiền 164.250.000 đồng. Chị T, anh O phải tiếp tục chịu lãi kể từ tháng 5 năm 2026 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX quyết định: + Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh O.

+ Về con chung: Giao con chung là Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/12/2025 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016 cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản chung, riêng, công sức: Không xem xét giải quyết

+ Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông C, chị T, anh O: Chị T, anh O mỗi người phải trả cho ông C số tiền tính đến tháng 4 năm 2026 là 164.250.000 đồng và tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận.

+ Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn, án phí dân sự, anh O phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn là anh Đặng Văn O có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại thôn P, xã K, thành phố Hà Nội. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Hà Nội thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn O kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn 20/11/2025 tại UBND xã M, huyện S, Hà Nội (nay là xã K, thành phố Hà Nội). Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

Vợ chồng chị T, anh O chung sống hạnh phúc một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, chị T cho rằng anh O sống vô trách nhiệm với gia đình, để mặc chị bị gia đình chồng xúc phạm, anh O cho rằng chị T sống thiếu tôn trọng gia đình chồng, hỗn láo với bố mẹ và em trai chồng. Hiện nay vợ chồng sống ly thân, không quan tâm, chăm sóc gì nhau. Chị T xin ly hôn, anh O không đồng ý ly hôn nhưng anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có biện pháp gì để hàn gắn quan hệ vợ chồng chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị T, anh O có 03 con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016, Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/12/2025. Ly hôn, anh chị đều có nguyên vọng nuôi con chung. Xét nguyện vọng nuôi con chung của anh chị, HĐXX thấy: Gia đình anh O, chị T đều có ý kiến tạo điều kiện về chỗ ở lâu dài và hỗ trợ chăm sóc các con cho anh O, chị T. Anh O hiện là giám đốc công ty, thu nhập trung bình 20.000.000 đồng/tháng. Chị T hiện đang là nhân viên kế toán thu nhập trung bình 23.000.000 đồng/tháng.

Như vậy anh chị đều có thu nhập và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Xét cháu D1 chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu D là con gái, còn

nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Do đó giao cháu D, cháu D1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu L cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quyền, lợi ích hợp pháp của các cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T, anh O đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nhà ở, đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công sức: Chị T, anh O đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ: Chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn O và ông Nguyễn Ngọc C thống nhất: Ngày 22/9/2024 chị T, anh O có vay của ông C số tiền 300.000.000 đồng, lãi suất 18.000.000đồng/năm. Tạm tính đến tháng 4 năm 2026 chị T, anh O nợ ông C số tiền là 328.500.000 đồng. Sau khi ly hôn, chị T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 164.250.000 đồng, anh O có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 164.250.000 đồng. Chị T, anh O phải tiếp tục chịu lãi kể từ tháng 5 năm 2026 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

[6] Về án phí: Chị T, anh O phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 3, 8, 9, 51, 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. VỀ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Văn O.

2. Vò con chung: Xác định chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Văn O có 03 con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016, Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/12/2025. Giao con chung là Đặng Ngọc D, sinh ngày 14/3/2019, Đặng Minh D1, sinh ngày 25/12/2025 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung là Đặng Ngọc L, sinh ngày 10/11/2016 cho anh O trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị T, anh O có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của chị T, anh O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn O và ông Nguyễn Ngọc C: chị T có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 164.250.000 đồng, anh O có nghĩa vụ trả cho ông C số tiền 164.250.000 đồng. Chị T, anh O phải tiếp tục chịu lãi kể từ tháng 5 năm 2026 theo lãi suất các bên đã thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án , tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hánh án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009762 ngày 21 tháng 6 năm 2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Chị Nguyễn Thị T phải chịu 8.212.500 đồng, anh Đặng Văn O phải chịu 8.212.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm cho Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T, anh Đặng Văn O, ông Nguyễn Ngọc C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Khu vực 7- Hà Nội;
- Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- UBND xã Kim Anh, TP Hà Nội
- Lưu: Văn Phòng, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thu Trang